

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/KDTM-ST
Ngày 23-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo.

Ông Nguyễn Thanh Cần.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 146/2024/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2024/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 87/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH H; địa chỉ trụ sở: số A, đường N, tổ C, khu phố I, phường P, thành phố T. tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Tiến C, chức vụ: Giám đốc; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần T1; địa chỉ trụ sở: thửa đất số 1468, tờ bản đồ số 10, tổ E, đường số G, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Văn T, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Tiến C trình bày:

Giữa Công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty H) và Công ty Cổ phần T1 (gọi tắt là Công ty T1) đã ký kết 03 Hợp đồng kinh tế: hợp đồng vào tháng 8 năm 2021 (đã bị thất lạc), Hợp đồng số 01/HĐNT/HTD ngày 03 tháng 01 năm 2022 và số 01/HĐNT/HTD ngày 03 tháng 01 năm 2023. Theo đó, Công ty H đã bán cho Công ty T1 các sản phẩm là thùng carton và đã xuất cho Công ty T1 16 hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể như sau:

Hóa đơn số: 0000114 ngày 30/9/2021 với số tiền 58.897.520 đồng.

Hóa đơn số: 0000115 ngày 30/9/2021 với số tiền 18.078.339 đồng.

Hóa đơn số: 0000126 ngày 30/10/2021 với số tiền. 2.287.230 đồng.

Hóa đơn số: 0000160 ngày 30/11/2021 với số tiền 3.982.000 đồng.

Hóa đơn số: 0000169 ngày 30/11/2021 với số tiền 287.072.962 đồng.

Hóa đơn số: 0000190 ngày 28/12/2021 với số tiền 86.195.197 đồng.

Hóa đơn số: 0000197 ngày 12/01/2022 với số tiền 42.868.485 đồng.

Hóa đơn số: 0000221 ngày 27/01/2022 với số tiền 124.419.185 đồng.

Hóa đơn số: 0000243 ngày 28/02/2022 với số tiền 76.665.393 đồng.

Hóa đơn số: 0000266 ngày 31/3/2022 với số tiền 101.000.061 đồng.

Hóa đơn số: 0000312 ngày 30/4/2022 với số tiền. 50.761.836 đồng.

Hóa đơn số: 00000023 ngày 31/5/2022 với số tiền 51.548.848 đồng.

Hóa đơn số: 00000038 ngày 14/6/2022 với số tiền 64.452.467 đồng.

Hóa đơn số: 00000164 ngày 31/5/2023 với số tiền 91.189.882 đồng.

Hóa đơn số: 00000165 ngày 31/5/2023 với số tiền. 699.600 đồng.

Hóa đơn số: 00000223 ngày 30/6/2023 với số tiền 42.897.833 đồng.

Công ty T1 đã thanh toán tổng số tiền 951.466.372 đồng cho các Hóa đơn số: 0000114 ngày 30/9/2021, 0000115 ngày 30/9/2021, 0000126 ngày 30/10/2021, 0000160 ngày 30/11/2021, 0000169 ngày 30/9/2021, 0000190 ngày 28/12/2021, 0000197 ngày 12/01/2022, 0000221 ngày 27/01/2022, 0000243 ngày 28/02/2022, 0000266 ngày 31/3/2022, 0000312 ngày 30/4/2022, 00000023 ngày 31/5/2022 và một phần của Hóa đơn số 00000038 ngày 14/6/2022. Cụ thể:

Ngày 08/9/2021: thanh toán 4.930.233 đồng cho Hóa đơn số 0000114 ngày 30/9/2021 (BL 101).

Ngày 09/11/2021: thanh toán 13.147.883 đồng cho Hóa đơn số 0000115 (BL 97).

Ngày 29/11/2021: thanh toán 29.448.760 đồng cho 50% Hóa đơn số 0000114 ngày 30/9/201 (BL 97).

Ngày 07/12/2021: thanh toán 31.375.990 đồng (BL 98).

Ngày 28/01/2022: thanh toán 100.000.000 đồng (BL 96).

Ngày 19/02/2022: thanh toán 100.000.000 đồng cho một phần Hóa đơn số 0000169 (BL 95).

Ngày 25/02/2022: thanh toán 211.447.147 đồng cho hết Hóa đơn số 0000169 và số 0000221 ngày 27/01/2022 (BL 95).

Ngày 10/5/2022: thanh toán 133.450.905 đồng cho công nợ tháng 1 (BL 93).

Ngày 08/7/2022: thanh toán 76.665.393 đồng cho Hóa đơn số 0000243 (BL 90).

Ngày 28/7/2022: thanh toán 50.500.031 đồng, lần 1 cho Hóa đơn số 0000266 (BL 89).

Ngày 07/10/2022: thanh toán 30.500.030 đồng, lần 2 cho Hóa đơn số 0000266 (BL 86).

Ngày 08/12/2022: thanh toán 20.000.000 đồng, lần 3 cho Hóa đơn số 0000266 (BL 86).

Ngày 16/12/2022: thanh toán 30.000.000 đồng, lần 1 cho Hóa đơn số 0000312 (BL 83).

Ngày 17/02/2023: thanh toán 20.000.000 đồng, lần 2 cho Hóa đơn số 0000312 và lần 1 cho Hóa đơn số 00000023 (BL 81).

Ngày 17/02/2023: thanh toán 20.000.000 đồng, lần 2 cho Hóa đơn số 0000312 và lần 1 cho Hóa đơn số 00000023 (BL 81).

Ngày 17/3/2023: thanh toán 30.000.000 đồng (BL 80).

Ngày 08/5/2023: thanh toán 20.000.000 đồng (BL 77).

Ngày 27/5/2023: thanh toán 20.000.000 đồng (BL 76).

Ngày 19/9/2023: thanh toán 10.000.000 đồng (BL 72).

Ngày 28/9/2023: thanh toán 20.000.000 đồng (BL 71).

Hiện Công ty T1 còn nợ 151.550.466 đồng của 01 phần Hóa đơn số 00000038 ngày 14/6/2022 (16.763.151 đồng) và các Hóa đơn: số 00000164 ngày 31/5/2023, số

00000165 ngày 31/5/2023, số 00000223 ngày 30/6/2023. Do đó, ngày 11/6/2024, Công ty T1 đã xác nhận còn nợ Công ty H Đơn số tiền 151.550.466 đồng.

Việc chậm trễ và trì hoãn trả nợ của Công ty T1 đã gây nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất, hoạt động kinh doanh của Công ty H, vi phạm thời hạn thanh toán (30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn) quy định tại Điều III của Hợp đồng kinh tế. Vì vậy, Công Hưng Thịnh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty T1 thanh toán số tiền nợ gốc 151.550.466 đồng.

- Buộc Công ty T1 thanh toán tiền lãi từ ngày ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/12/2024) = 151.550.466 đồng x 14 tháng 23 ngày x 0,66%/tháng (8%/năm) = 14.770.108 đồng.

2. Bị đơn Công ty Cổ phần T1: đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào 16 hóa đơn giá trị gia tăng mà Công ty H đã xuất cho Công ty T1 thể hiện tổng số tiền hàng Công ty T1 phải thanh toán là 1.103.016.838 đồng. Căn cứ Sao kê tài khoản vào các ngày: 08/9/2021, 09/11/2021, 29/11/2021, 07/12/2021, 28/01/2022, 19/02/2022, 25/02/2022, 10/5/2022, 08/7/2022, 28/7/2022, 07/10/2022, 08/12/2022, 16/12/2022, 17/02/2023, 17/3/2023, 08/5/2023, 27/5/2023, 19/9/2023 và 28/9/2023 thể hiện Công ty T1 đã thanh toán tổng số tiền 951.466.372 đồng. Như vậy, Công ty T1 còn nợ Công ty H Đơn số tiền 151.550.466 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều III của Hợp đồng kinh tế và khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2024, nguyên đơn Công ty H yêu cầu bị đơn Công ty T1 trả tiền mua hàng còn nợ và tiền lãi phát sinh trong thời gian chậm trả nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại Điều 27 của Luật Thương mại và Điều 385 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn Công ty T1 có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều

30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[3] Sự tham gia phiên tòa của các đương sự: tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty H có đơn xin vắng mặt, bị đơn Công ty T1 đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Về nội dung vụ án: Công ty H ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/HĐNT/HTD ngày 03 tháng 01 năm 2022 và số 01/HĐNT/HTD ngày 03 tháng 01 năm 2023 để bán các sản phẩm thùng carton cho Công ty T1 với tổng 16 hóa đơn giá trị gia tăng, trị giá là 1.103.016.838 đồng. Công ty T1 đã thanh toán số tiền 951.466.372 đồng, còn nợ số tiền 151.550.466 đồng. Do đó, Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty T1 thanh toán số tiền nợ gốc là 151.550.466 đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất 8%/năm (0,66%/tháng) tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

[5] Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc:

Căn cứ vào 16 hóa đơn giá trị gia tăng: số 0000114 ngày 30/9/2021, số 0000115 ngày 30/9/2021, số 0000126 ngày 30/10/2021, số 0000160 ngày 30/11/2021, số 0000169 ngày 30/9/2021, số 0000190 ngày 28/12/2021, số 0000197 ngày 12/01/2022, số 0000221 ngày 27/01/2022, số 0000243 ngày 28/02/2022, số 0000266 ngày 31/3/2022, số 0000312 ngày 30/4/2022, số 00000023 ngày 31/5/2022, số 00000038 ngày 14/6/2022, số 00000164 ngày 31/5/2023, số 00000165 ngày 31/5/2023, số 00000223 ngày 30/6/2023 thể hiện tổng số tiền hàng Công ty T1 phải thanh toán là 1.103.016.838 đồng và Công ty H đã xuất đầy đủ 16 hóa đơn nêu trên vào cùng ngày cho Công ty T1 qua hóa đơn điện tử và email của Công ty T1.

Căn cứ Sao kê tài khoản vào các ngày: 08/9/2021, 09/11/2021, 29/11/2021, 07/12/2021, 28/01/2022, 19/02/2022, 25/02/2022, 10/5/2022, 08/7/2022, 28/7/2022, 07/10/2022, 08/12/2022, 16/12/2022, 17/02/2023, 17/3/2023, 08/5/2023, 27/5/2023, 19/9/2023 và 28/9/2023 thể hiện Công ty T1 đã thanh toán tổng số tiền 951.466.372 đồng (BL 71, 72, 76, 77, 80, 81, 83, 86, 89, 90, 93, 95, 96, 97, 98, 101).

Như vậy, Công ty T1 còn nợ Công ty H Đơn số tiền 151.550.466 đồng của 01 phần Hóa đơn số 00000038 ngày 14/6/2022 (16.763.151 đồng) và các Hóa đơn: số 00000164 ngày 31/5/2023, số 00000165 ngày 31/5/2023, số 00000223 ngày 30/6/2023 là phù hợp với số tiền nợ tại Thư xác nhận khoản phải thu lập ngày 11/6/2024 của Công ty T1 (BL 34).

Bên bán đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng, bên mua đã nhận hàng nhưng không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều III của Hợp đồng kinh tế và khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại. Do vậy, yêu cầu của Công ty H Đơn buộc Công ty T1 thanh toán tiền mua hàng còn nợ 151.550.466 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ tháng 7 năm 2023 nhưng Công ty H Đan chỉ yêu cầu thanh toán tiền lãi từ ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho phía Công ty T1. Do đó, Công ty T1 phải trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại. Do các bên không thỏa thuận lãi suất cụ thể trong hợp đồng kinh tế nên theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, lãi suất chậm trả sẽ được tính “căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần N, Ngân hàng thương mại cổ phần C1, Ngân hàng N1,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở ...”.

Tại thời điểm xét xử, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 13,75%/năm, tương đương 1,14%/tháng (trong đó: mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đ1 là 12%/năm, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là 15%/năm, tại Ngân hàng N1 là 15%/năm). Như vậy, Công ty H Đan yêu cầu Công ty T1 trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với lãi suất 8%/năm (0,66%/tháng), số tiền 14.770.108 đồng là phù hợp, có lợi cho Công ty T1 nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những phân tích và căn cứ nêu tại mục [5] và [6], có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty H Đan, buộc Công ty T1 thanh toán cho Công ty H Đan:

- Số tiền nợ gốc: 151.550.466 đồng.

- Số tiền lãi: tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/12/2024 là 14 tháng 23 ngày = 151.550.466 đồng x 14 tháng 23 ngày x 0,66%/tháng = 14.770.108 đồng.

Tổng số tiền phải thanh toán là 166.320.576 đồng.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[9] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bị đơn Công ty T1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty H Đan được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92; các Điều 147, 227, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 50, 55, 301 và 306 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty Cổ phần T1.

Buộc Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH H Đơn tổng số tiền 166.320.576 đồng; trong đó: tiền nợ gốc là 151.550.466 đồng, tiền lãi chậm trả là 14.770.108 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc Công ty Cổ phần T1 phải chịu 8.316.029 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH H số tiền 4.042.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004289 ngày 25/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 1 và 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự (2);
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn thư, 7.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền

